

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ tư, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên phục hồi nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/8/2019		•	
Tuần 26/8-30/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index có sự phục hồi nhẹ nhờ lực mua tập trung tại các mã bluechips trụ cột thị trường như VCB, GAS, VHM. Trong phiên chiều, đà tăng của chỉ số được duy trì nhờ các mã VCB, SAB, NLV mở rộng biên độ tăng. Thị trường có phiên phục hồi nhẹ với động thái mua ròng của khối ngoại sau nhiều phiên bán ròng. **Mặc dù vậy, thanh khoản sụt giảm mạnh cũng cho thấy nhà đầu tư vẫn đang duy trì tâm lý thận trọng khi cuộc chiến thương mại giữa Trung – Mỹ chưa có thêm thông tin mới.**

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng nhẹ trái chiều với chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. PNJ tiếp tục giảm giá sau khi không thành công vượt ngưỡng 90. Thanh khoản đang ở mức thấp xác nhận đà giảm của cổ phiếu. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang cho thấy tín hiệu giảm giá ngắn hạn, và sẽ tiếp tục tạo áp lực giảm giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_BDS & Khu công nghiệp +0.3%. Thị trường hôm nay có phiên đi ngang **VNINDEX** tăng nhẹ **0.0%**. Danh mục **BDS & Khu công nghiệp** gồm các cổ phiếu có triển vọng khả quan nhất trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh BDS, hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.3%**. Đặc biệt, trong bối cảnh VNINDEX có hiệu suất tháng -2.1%, danh mục Mục tiêu và Khẩu vị Rủi ro thể hiện rõ tính chất an toàn.

Phân tích kỹ thuật: VHM_Tích lũy ngắn hạn (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.47 điểm**, đóng cửa 977.26. HNX-Index **-0.53 điểm**, đóng cửa 102.32.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.55); SAB (+0.36); NVL (+0.33); HNG (+0.31); GAS (+0.22).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.49); HVN (-0.21); POW (-0.16); FPT (-0.14); HPG (-0.12).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,423.07 tỷ đồng**, **-26.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.25 điểm. Thị trường có 122 mã tăng và 190 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **31.03 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm CTI (32.56 tỷ), NVL (26.05 tỷ) và PVD (9.81 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **4.93 tỷ đồng**.

VN-INDEX 977.26

Giá trị: 2423.08 tỷ 0.47 (0.05%)

Khối ngoại (ròng): 31.03 tỷ

HNX-INDEX 102.32

Giá trị: 230.59 tỷ -0.54 (-0.52%)

Khối ngoại (ròng): -4.93 tỷ

UPCOM-INDEX 57.97

Giá trị: 347.58 tỷ -0.04 (-0.07%)

Khối ngoại(ròng): 13.82 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.7	1.37%
Giá vàng	1,541	-0.11%
Tỷ giá USD/VND	23,208	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,733	-0.08%
Tỷ giá JPY/VND	21,939	0.01%
LS liên NH 1 tháng	4.0%	-1.04%
LS TPCP 5 năm	3.3%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTI	32.6	HPG	18.8
NVL	26.1	VNM	16.6
PVD	9.8	VHC	6.1
PLX	8.0	HVN	5.2
TNA	7.8	DXG	5.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* Thị trường hôm nay có phiên đi ngang **VNINDEX** tăng nhẹ **0.0%**. Danh mục **BDS & Khu công nghiệp** gồm các cổ phiếu có triển vọng khả quan nhất trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh BDS, hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.3%**.

* Đặc biệt, trong bối cảnh **VNINDEX** có hiệu suất tháng **-2.1%**, danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** thể hiện rõ tính chất an toàn:

- **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tháng **tốt hơn VNINDEX**
- **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp_0.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
BDS & Khu công nghiệp	0.3%	-0.8%	1.5%	2.5%	2.3%	4.9%	58.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	-2.1%	-2.8%	-1.3%	-3.6%	-0.3%	86.3%
Dầu khí	0.1%	-2.5%	-3.9%	-5.9%	4.7%	1.6%	11.8%
Xây dựng	-0.2%	-2.2%	-2.3%	-6.3%	-10.8%	-15.1%	25.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	-1.3%	2.1%	3.7%	1.8%	0.9%	72.3%
Ngân hàng	-0.3%	-0.7%	1.5%	7.5%	4.8%	-3.2%	70.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.6%	-2.1%	3.0%	6.5%	4.8%	1.4%	72.9%
Hàng tiêu dùng	-0.6%	-2.3%	2.5%	4.4%	3.9%	6.6%	64.1%
Nước & Năng lượng	-0.6%	-2.4%	-2.3%	-4.0%	-1.1%	10.6%	58.9%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.8%	-4.3%	-3.5%	-5.7%	-6.1%	-10.0%	-5.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.8%	-2.7%	-2.3%	-2.7%	3.5%	16.9%	53.4%
Vật liệu Xây dựng	-0.8%	-3.6%	-0.8%	-1.3%	-1.3%	3.8%	8.6%
Chiến tranh thương mại	-0.8%	-1.1%	-1.1%	-3.6%	-2.9%	9.1%	10.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.0%	-6.1%	-6.5%	-7.5%	-11.7%	-12.5%	41.5%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 10	0.2%	0.1%	2.5%	5.8%	6.0%	3.0%	53.9%
Danh mục 3	0.0%	-1.8%	0.8%	-2.9%	-2.6%	-4.7%	28.7%
Danh mục 6	-0.1%	-2.1%	0.9%	7.7%	10.4%	12.6%	100.7%
Danh mục 12	-0.9%	-1.6%	-0.9%	-2.6%	-0.1%	9.6%	111.9%
Danh mục 17	-1.0%	-2.4%	-2.5%	-1.9%	-0.3%	14.8%	147.0%

* Note
Hôm nay có **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tháng **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	0.4%	-1.6%	3.5%	8.1%	7.3%	-0.2%	62.3%
Danh mục 19	0.0%	-2.6%	1.3%	3.9%	5.9%	6.2%	49.5%
Danh mục 25	0.0%	-1.0%	1.9%	8.0%	12.0%	35.8%	201.7%
Danh mục 21	-0.5%	-2.5%	0.4%	1.9%	3.6%	0.0%	46.9%
Danh mục 23	-0.8%	-2.6%	-0.3%	-1.1%	-0.8%	8.9%	129.3%

* Note
Hôm nay có **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	0.0%	-1.7%	-2.1%	0.8%	-0.2%	-1.8%	46.4%
VN30INDEX	-0.1%	-1.6%	-0.2%	0.3%	-2.1%	-8.3%	34.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

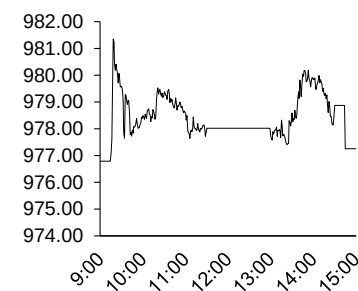
BSC RESEARCH

8/28/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

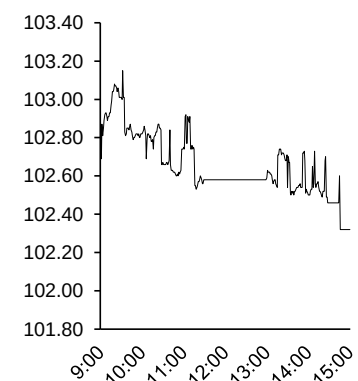
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.5%
Công nghệ Thông tin	-1.3%
Tài nguyên Cơ bản	-0.7%
Dịch vụ tài chính	-0.7%
Truyền thông	-0.7%
Du lịch và Giải trí	-0.6%
Bán lẻ	-0.4%
Hóa chất	-0.4%
Dầu khí	-0.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%
Bảo hiểm	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Y tế	0.1%
Bất động sản	0.1%
Ngân hàng	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.5%
Ô tô và phụ tùng	0.9%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VHM_Tích lũy ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ dương, MACD đang nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu VHM đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn quanh ngưỡng 85. Thanh khoản cổ phiếu vẫn lên xuống thất thường với lượng giao dịch trung bình ở mức thấp, cho thấy xu hướng tích lũy vẫn sẽ tiếp tục. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây ichomoku, báo hiệu xu hướng tăng trong trung hạn. Như vậy, VHM sẽ tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng hỗ trợ 85 trước khi kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 90.



Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ lần lượt đạt 80,063 tỷ đồng (+223% yoy) và 18,412 tỷ đồng (+14.5% yoy), EPS 2019FW = 5,496 đồng/cp nhờ vào việc ghi nhận lợi nhuận từ các sản phẩm thấp tầng của dự án Vincy Ocean Park và Vincy Sportia, Vinhomes Metropolis, Vinhomes GreenBay, Vinhomes Harmony, Vinhomes Imperial, Vinhomes Skylake. Chúng tôi lưu ý doanh thu kể trên đã bao gồm từ các dự án BCC. Hiện tại với thị giá ngày 19/02/2019, mức PE FW 2019 của VHM là 15.8 lần.

Rủi ro Đầu tư:

- Tốc độ hấp thụ dự án Vincy thấp hơn dự kiến.
- Tốc độ phê duyệt thủ tục pháp lý bị chậm so với kế hoạch đặt ra.

Cập nhật KQKD: Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2019 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhờ bàn giao các dự án lớn (Metropolis, GreenBay, Golden River, Central Park). Doanh thu năm 2018 đạt 38,806 tỷ đồng (+27% yoy), chúng tôi lưu ý mức tăng trưởng trên được so với báo cáo tài chính năm 2017 đã được đối chiếu và cấu trúc lại sau khi VHM được hợp nhất với các công ty con. Tăng trưởng doanh thu năm 2018 của VHM chủ yếu đến từ các dự án lớn như VH Green Bay đạt 8.9 nghìn tỷ đồng, VH Metropolis đạt 8.5 nghìn tỷ đồng, VH Central Park đạt 7.7 nghìn tỷ đồng, VH Golden River (đã được hợp nhất vào VHM từ tháng 6/2018) đạt 7.0 nghìn tỷ đồng. VHM ghi nhận tổng số lượng sản phẩm đã bán năm 2018 ở mức cao mặc dù thị trường bất động sản còn gặp nhiều khó khăn. Tổng số lượng sản phẩm đã bán năm 2018 là 15,167 sản phẩm với tổng giá trị đạt 67.6 nghìn tỷ đồng. Trong đó, hai dự án Vincy chiếm phần lớn tỷ trọng đạt chiếm 74.2% trong tổng số lượng sản phẩm đã bán của VHM, tương đương với 9,641 căn hộ và 1,606 sản phẩm villas, biệt thự. VHM đã triển khai mở bán 6 dự án trong năm 2018 bao gồm Vincy Ocean Park, Vincy Sportia, Vinhomes West point, Vinhomes Starcity, Vinhomes MariVincy Ocean Park, Vincy Sportia, Vinhomes West point, Vinhomes Starcity, Vinhomes Marina và Vinhomes Ha Tinh.

Chi tiết tham khảo BSC i-BROKER: Express VHM 2019Q1

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 28/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 28/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	55.65	3.67%	-1.22%	-0.77%	-18.79%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.03	0.05%	-0.45%	-5.78%	-22.18%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.66	2.77%	-1.02%	-10.71%	-19.96%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1546.56	1.19%	2.61%	8.37%	28.75%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.22	3.30%	6.41%	10.71%	24.24%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	844.34	-0.91%	-1.28%	-4.62%	2.96%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	471.83	-0.05%	2.57%	-6.29%	-5.30%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.60	0.00%	-0.06%	0.74%	17.18%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	156.50	1.10%	-8.91%	-31.30%	-1.26%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.24	-1.66%	-1.75%	-6.88%	9.02%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.18	0.00%	15.64%	10.80%	-2.75%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	93.80	-0.37%	2.57%	-7.27%	-5.49%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.55	0.35%	-1.02%	-5.97%	-6.81%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3626.00	-2.53%	-4.33%	-10.91%	-19.17%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1761.00	-0.51%	-1.84%	-2.76%	-17.46%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	88.00	1.15%	-5.38%	-25.42%	32.33%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.30	-0.90%	-2.79%	-11.60%	-38.89%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 27/08 tăng 0.81 USD tương đương 1.4% lên 59.51 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 tăng 1.24 USD tương đương 2.4% lên 54.93 USD/thùng.
- Giá dầu tăng trong phiên vừa qua bởi tồn trữ dầu thô của Mỹ sụt giảm nhiều hơn dự kiến. Tuy nhiên, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đã hạn chế đà tăng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1% lên 1,540.57 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 9/2019 tăng mạnh từ 1,527.2 USD/ounce lên 1,541.4 USD/ounce, kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 1% lên 1,551.8 USD/ounce.
- Giá vàng tăng hơn 1% do lo ngại kinh tế rơi vào suy thoái sau những số liệu gây thất vọng về kinh tế Mỹ và bất đồng thương mại Mỹ - Trung ngày càng nghiêm trọng. Đặc biệt, giá bạc đạt 18 USD/ounce lần đầu tiên trong vòng gần 2 năm.
- Đường cong lợi suất của Mỹ tiếp tục giảm sâu và đảo ngược trong ngày hôm qua, đúng lúc niềm tin tiêu dùng của Mỹ chạm mức thấp nhất 8 tháng và giá nhà tăng thấp nhất trong vòng gần 7 năm chứng tỏ nguy cơ suy thoái kinh tế Mỹ đang đến rất gần.

Giá quặng sắt

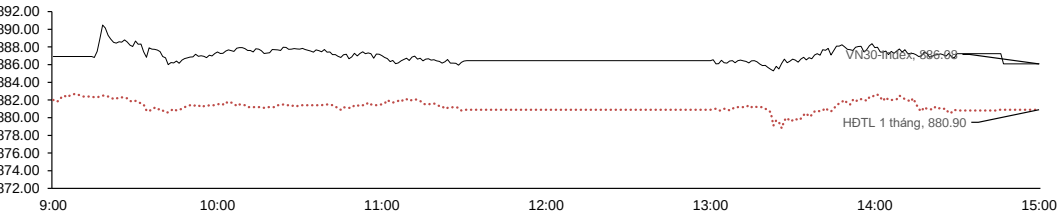
- Hợp đồng quặng được giao dịch nhiều nhất trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa giảm 3.1% trong phiên vừa qua, xuống 586 CNY/tấn.
- Trên sàn Thượng Hải, thép cây giảm 3.7% xuống 3,281 CNY/tấn, cũng là phiên giảm nhiều nhất trong vòng 9 tháng. thép cuộn cán nóng trên sàn Thượng Hải giảm 3.3% xuống 3,561 CNY (502.06 USD)/tấn, giảm nhiều nhất kể từ 26/11/2018.
- Giá thép tại Trung Quốc đã giảm trên 3% trong phiên vừa qua, mức giảm mạnh nhất trong vòng 9 tháng, do lo ngại nhu cầu thấp triển miên. Thị trường nhà đất Trung Quốc dự báo sẽ tăng chậm lại từ nay tới cuối năm.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 đã giảm 0.19 US cent tương đương 1.7% xuống 11.24 US cent/lb vào cuối phiên vừa qua, sau khi có lúc chỉ 11.16 US cent, thấp nhất kể từ 1/10/2018. Đây là phiên thứ 6 giá giảm trong vòng 7 phiên vừa qua. Nguyên nhân do đồng real Brazil trượt giá so với USD, hiện ở mức thấp nhất gần 1 năm.

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	880.90	-0.01%	-5.18	21.1%	73645	9/19/2019	24
VN30F1910	879.70	0.09%	-6.38	-30.8%	265	10/17/2019	52
VN30F1912	879.10	0.09%	-6.98	13.5%	42	12/19/2019	115
VN30F2003	879.60	0.18%	-6.48	4.3%	24	3/19/2020	206

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm nhẹ 0.83 điểm xuống mức 886.08 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như FPT, PNJ, HPG, VIC, và VPB tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 giằng co dưới ngưỡng 890 điểm. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật đều cho thấy tín hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn.

• Ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng nhẹ trái chiều với chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong trung hạn. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CHPG1904	SSI	9/30/2019	33	1:1	48,390	-5.7%	1,000,000	29.80%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	31	1:1	143,610	-77.4%	3,000,000	20.66%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	124	1:1	4,750	-62.2%	1,000,000	29.80%
CMWG1902	VND	12/11/2019	105	4:1	8,810	3046.4%	2,400,000	19.62%
CMWG1904	SSI	9/28/2019	124	1:1	13,430	-52.2%	1,000,000	19.62%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	107	10:1	34,850	-72.5%	5,000,000	20.54%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	124	5:1	20,440	-87.1%	2,000,000	19.62%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	111	1:1	197,270	-1.3%	1,000,000	20.66%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	33	1:1	37,130	-10.3%	1,000,000	19.20%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	105	5:1	96,350	-0.8%	3,000,000	29.80%
CFPT1901	VND	9/11/2019	14	2:1	69,310	19.9%	2,000,000	19.20%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	12	4:1	107,070	18.4%	1,000,000	19.62%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	124	1:1	8,050	4.8%	2,000,000	19.20%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	15	2:1	94,230	-29.3%	1,500,000	29.80%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	13	5:1	146,100	206.3%	1,000,000	22.80%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	13	2:1	163,620	59.7%	2,000,000	29.80%

Chú thích: * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 28/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

• CHPG1901 và CPNJ1901 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 19.75 % và 17.83 %. CHPG1904 tăng giá nhiều nhất 12.99%. Thanh khoản thị trường giảm 33.40%, CMBB1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 17% thị trường.

• Ngoại trừ CMWG1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. PNJ tiếp tục giảm giá sau khi không thành công vượt ngưỡng 90. Thanh khoản đang ở mức thấp xác nhận đà giảm của cổ phiếu. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang cho thấy tín hiệu giảm giá ngắn hạn, và sẽ tiếp tục tạo áp lực giảm giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	61.90	1.98	0.62
VNM	119.40	0.34	0.28
VCB	77.00	0.65	0.21
SAB	272.00	0.70	0.19
VRE	34.70	0.58	0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	52.1	-1.33	-0.53
PNJ	81.4	-2.16	-0.45
HPG	22.3	-0.67	-0.35
VIC	122.0	-0.41	-0.29
VPB	20.3	-0.49	-0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
2,200	2,000	12.99%	558.60
1,900	2,850	4.40%	2,755.10
3,300	3,900	0.00%	1,409.60
2,990	8,420	0.00%	6,316.20
14,000	33,400	0.00%	25,508.40
1,200	730	0.00%	3.80
2,700	5,640	-1.05%	4,134.20
3,200	3,600	-1.64%	2,175.90
3,800	8,500	-3.41%	7,010.00
1,000	490	-3.92%	0.07
1,900	4,590	-3.97%	3,943.90
2,000	6,200	-5.20%	6,462.30
6,000	12,200	-6.15%	7,752.70
1,500	600	-10.45%	134.20
1,700	1,890	-17.83%	943.80
1,200	650	-19.75%	164.50

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1904	98,800	23,100	22,250
CMBB1901	23,700	20,600	23,350
CHPG1905	93,300	23,100	22,250
CMWG1902	48,130	90,000	113,800
CMWG1904	165,000	90,000	113,800
CVNM1901	46,340	158,888	119,400
CMWG1903	25,800	95,000	113,800
CMBB1902	26,300	21,800	23,350
CFPT1902	96,981	45,140	52,100
CHPG1902	168,888	41,999	22,250
CFPT1901	27,000	44,154	52,100
CMWG1901	96,300	88,300	113,800
CFPT1903	56,154	45,140	52,100
CHPG1903	22,100	23,200	22,250
CPNJ1901	26,300	77,981	81,400
CHPG1901	47,999	22,900	22,250

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.8	-0.2%	0.7	2,190	2.9	7,893	14.4	4.8	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	81.4	-2.2%	1.0	788	2.9	4,727	17.2	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	77.2	0.3%	1.3	2,353	0.3	1,503	51.4	3.5	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	35.4	-1.9%	0.7	356	0.6	3,061	11.6	1.2	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.0	-0.4%	1.1	17,748	1.3	1,673	72.9	5.0	15.3%	8.2%
VRE	Bất động sản	34.7	0.6%	1.1	3,513	1.2	1,033	33.6	2.8	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.9	2.0%	0.8	2,504	2.1	3,579	17.3	2.8	7.2%	17.8%
REE	Bất động sản	36.4	-0.3%	1.0	491	0.9	5,261	6.9	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.1	1.7%	1.4	342	1.3	2,944	5.1	1.2	46.4%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.4	-0.2%	1.3	473	0.5	1,997	10.7	1.2	58.0%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.4	-0.9%	1.0	232	0.1	5,067	6.4	1.4	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.1	-1.7%	1.4	267	0.6	1,434	14.0	1.5	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	52.1	-1.3%	0.8	1,536	3.5	4,349	12.0	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	-1.1%	0.4	487	0.0	3,778	11.9	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.3	0.4%	1.5	8,513	0.5	6,066	16.9	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.0	-0.3%	1.5	3,158	0.7	3,271	18.6	3.6	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.6	0.5%	1.7	428	1.2	2,351	8.8	0.8	23.8%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.2	0.0%	0.8	1,240	0.5	1,163	7.9	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.2	-0.1%	0.5	530	0.0	4,602	20.3	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.3	-1.5%	0.7	225	0.4	853	15.5	0.7	19.6%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.1	0.6%	0.7	186	0.1	894	9.1	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	77.0	0.7%	1.3	12,417	2.0	4,729	16.3	3.7	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	37.6	0.3%	1.5	5,589	1.5	2,107	17.8	2.4	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.3	-0.2%	1.6	3,278	0.8	1,470	13.8	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	20.3	-0.5%	1.2	2,168	0.8	2,989	6.8	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.4	0.2%	1.1	2,146	4.8	3,215	7.3	1.5	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.2	-1.3%	1.1	1,565	0.5	3,438	6.5	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	48.3	-1.8%	0.9	172	0.4	5,017	9.6	1.6	76.9%	17.1%
NTP	Nhựa	37.0	-3.4%	0.3	144	0.0	4,490	8.2	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.1	-0.6%	1.2	630	0.0	732	22.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.3	-0.7%	1.0	2,671	4.2	2,898	7.7	1.4	37.8%	19.9%
HSG	Thép	6.8	-1.6%	1.5	124	0.4	425	15.9	0.5	17.6%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	119.4	0.3%	0.7	9,040	2.7	5,465	21.8	7.3	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	272.0	0.7%	0.8	7,584	0.0	6,735	40.4	9.9	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	74.8	-0.3%	1.2	3,802	0.9	3,304	22.6	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	15.9	0.0%	0.5	363	1.0	542	29.3	1.4	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	82.0	0.2%	0.8	7,762	0.1	2,630	31.2	5.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	132.4	-0.2%	1.1	3,118	2.2	9,850	13.4	5.1	18.7%	43.3%
HVN	Vận tải	35.6	-1.4%	1.7	2,192	1.0	1,747	20.3	2.8	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	27.9	0.0%	0.8	360	0.5	1,888	14.8	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.6	-2.0%	0.6	215	0.4	2,505	7.0	1.2	30.5%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.0	-0.8%	0.9	614	1.0	7,667	11.7	4.6	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.3	3.5%	0.9	375	0.8	1,333	14.4	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	0.0%	0.8	251	0.0	1,657	9.1	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	97.3	0.3%	0.7	323	0.1	13,465	7.2	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.5	1,307	20.2	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	20.0	-0.2%	0.5	216	0.3	485	41.3	1.0	52.2%	2.4%
POW	Điện	12.9	-1.9%	0.6	1,313	0.4	820	15.7	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	25.1	0.6%	0.6	314	0.1	2,241	11.2	1.8	21.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	77.00	0.65	0.55	588810.00
SAB	272.00	0.70	0.36	3430.00
NVL	61.90	1.98	0.33	776100.00
HNG	17.60	5.39	0.30	825830.00
GAS	102.30	0.39	0.23	106940.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJE	22.80	9.62	0.03	1500.00
L14	77.70	2.64	0.03	105800.00
PVS	20.60	0.49	0.03	1.36MLN
MBG	11.40	9.62	0.02	45000.00
KLF	1.20	9.09	0.02	135800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	122.00	-0.41	-0.49	242730.00
HVN	35.55	-1.39	-0.21	630220.00
POW	12.90	-1.90	-0.17	730320.00
FPT	52.10	-1.33	-0.14	1.54MLN
HPG	22.25	-0.67	-0.12	4.34MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.20	-1.33	-0.51	512600.00
NTP	37.00	-3.39	-0.04	18500.00
DGC	27.80	-1.42	-0.03	75700.00
SHS	7.70	-2.53	-0.03	1.09MLN
PVI	35.40	-1.94	-0.03	395000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KDC	21.40	7.00	0.11	305340.00
TNA	13.90	6.92	0.01	782190.00
TLD	5.72	6.92	0.00	747140.00
VOS	2.01	6.91	0.01	791160.00
PIT	5.26	6.91	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	1.00	11.1	0.00	264500.00
CTP	2.20	10.0	0.00	22600.00
BBS	12.40	9.7	0.00	100.00
MBG	11.40	9.6	0.02	45000.00
SJE	22.80	9.6	0.03	1500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTL	20.00	-6.98	-0.01	50.00
PXS	5.64	-6.93	-0.01	413560.00
LM8	24.20	-6.92	-0.01	50.00
TCO	7.94	-6.92	0.00	10.00
L10	15.50	-6.91	0.00	10.00

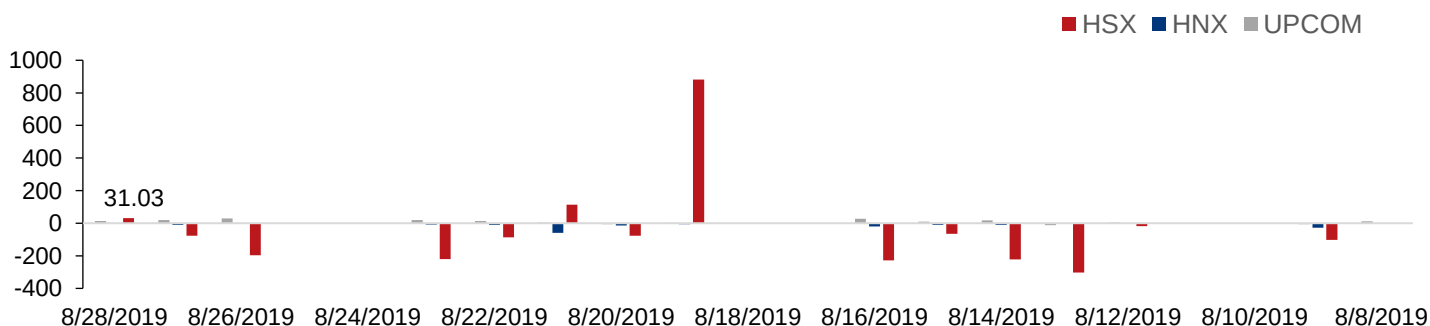
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	0.90	-10.00	0.00	161600.00
SAF	53.90	-9.87	-0.01	100.00
TST	6.50	-9.72	0.00	100.00
SFN	25.20	-9.68	-0.01	700.00
CPC	24.20	-9.36	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	29.0	3,705	7.8	2.1	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	52.1	4,349	12.0	2.7	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	15.9	649	24.5	1.4	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	113.8	7,893	14.4	4.8	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	81.4	4,727	17.2	4.4	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	56.0	5,276	10.6	3.0	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.1	4,234	6.9	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.2	3,438	6.5	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.6	3,181	5.5	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.8	425	15.9	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	44.0	4,314	10.2	3.0	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	74.8	3,304	22.6	2.8	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.6	7,716	20.4	10.6	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.9	1,888	14.8	1.4	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	113.8	7,893	14.4	4.8	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.4	3,760	8.1	1.6	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.6	1,433	5.3	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	78.0	18,865	4.1	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	22.2	1,295	17.1	1.7	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.2	3,437	5.3	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoại vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

